TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 26-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngĐặng Hoài Dinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư kýTòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 623/2018/TLST-HNGĐ ngày 23-10-2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị S, sinh năm 1983. *Vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện M, tỉnh N.
Tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh N.
- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm 1973. *Vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện M, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Trần Thị S trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau khoảng tháng 9/2010, có tìm hiểu trước, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 03/11/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng tại ấp H, xã K, huyện M. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị không có con nên anh T bỏ mặc, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu và sử dụng

ma túy phải đi cai nghiện tại thành phố H, hết thời gian cai nghiện anh T trở về nhưng vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không nghe dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên gây gỗ và cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên vào tháng 01/2015 chị về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh N, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 11 năm 2017 bị đơn – anh Lê Thanh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung chị S trình bày đúng sự thật. Anh T thừa nhận vợ chồng chung sống thường bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vào khoảng tháng 12/2014 anh bị nghiện ma túy phải đi cai nghiện ở trung tâm tại Thành phố H, từ đó vợ chồng ít gặp mặt, tình cảm ngày càng xa cách, đến khi anh về thì phía gia đình chị S không cho gặp mặt, chị S luôn tìm cách né tránh. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị S, anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không ai có thiện chí đoàn tụ.

Quá trình chung sống anh và chị S không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của chị S đối với anh T. Con chung không có, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị S, anh T tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh Tchung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2010 tại UBND xã K, huyện M, tỉnh N. Tháng

12 năm 2014 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị S thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, nhiều lần sử dụng ma túy, chị đã khuyên ngăn nhưng anh T không nghe. Anh T thừa nhận có sử dụng ma túy, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt là do anh. Cả chị S và anh T đều trình bày đã ly thân từ tháng 01 năm 2015 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã đến mức độ trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị ly thân nhau đã lâu nhưng không ai có thiện chí đoàn tụ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh T là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của chị S đối với anh T. Về con chung không có, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Sumphải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của chị Trần Thị S đối với anh Lê Thanh T.

- Chị Trần Thị S được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị S, anh T không yêu cầu giải quyết.

4.Án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012677 ngày 23-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

5.Chị S và anh T được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND T. N;
- VKSND T. N;
- VKSND H. M;
- CCTHADS H. M;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh